

Sự thay đổi cơ cấu ngành nghề và việc chăm sóc, giáo dục trẻ em: khảo sát tại một xã ven đô

NGUYỄN THỊ VÂN ANH
& VÂN ANH

Việc chuyển sang cơ chế thị trường, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đã tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế hộ gia đình. Cơ cấu ngành nghề thay đổi cùng với tính chất đặc thù và đa dạng của các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp đã thu hút một lực lượng lao động nhàn rỗi đông đảo ở nông thôn, tác động không nhỏ tới đời sống của mọi gia đình, đặc biệt là đời sống của trẻ em. Quyền của trẻ em được tham gia vào các hoạt động của gia đình, được chăm sóc và giáo dục về sức khoẻ và học tập cũng ít nhiều chịu sự chi phối bởi những thay đổi này. Song dường như các nghiên cứu xã hội học về biến đổi kinh tế-xã hội nông thôn trong thời kỳ đổi mới rất ít quan tâm tới vai trò và giá trị lao động của trẻ trong hoạt động kinh tế của gia đình.

Mục đích của bài viết này là nhằm xem xét một số vấn đề về sự tham gia của trẻ em vào các hoạt động kinh tế hộ và công việc gia đình, việc chăm sóc và giáo dục trẻ em trong gia đình, trong bối cảnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Những vấn đề trên được nhìn nhận trên cơ sở những quan sát về sự thay đổi cơ cấu ngành nghề tại một xã ven đô, nơi mà trong hơn 10 năm qua các hoạt động kinh tế đang diễn ra hết sức sôi động đã thu hút các nguồn lực lao động ở mọi lứa tuổi.

Sự thay đổi cơ cấu ngành nghề

Đổi mới kinh tế đã đa dạng hoá các hoạt động kinh tế, tạo cơ hội cho nhiều ngành nghề phát triển. Những nghề thuần nông như trồng trọt, chăn nuôi không còn chiếm vai trò "độc tôn" trong cơ cấu ngành nghề ở nông thôn. Bên cạnh một số nghề truyền thống được phục hồi, nhiều nghề mới đã xuất hiện và linh hoạt đáp ứng nhu cầu trước mắt của thị trường. Tính chất đa dạng của các ngành nghề phụ đã thu hút nhiều lao động nam nữ ở mọi lứa tuổi khác nhau, kể cả lao động trẻ em.

Cơ cấu ngành nghề thay đổi đã ảnh hưởng tới vai trò và chức năng của trẻ em trong gia đình. Trẻ em không chỉ được nhìn nhận dưới góc độ tinh thần và tình cảm như đem lại niềm vui, hạnh phúc, là chỗ nương tựa lúc tuổi già, và để tiếp nối dòng dõi mà còn được nhìn nhận dưới góc độ kinh tế, tức giá trị lao động của trẻ trong việc đóng góp thu nhập của gia đình.

Chuyển đổi và đa dạng hoá ngành nghề đã làm tăng mức sống của đa số gia đình ở nông thôn. Mức sống tăng lên kéo theo sự gia tăng những nhu cầu đối với các giá trị vật chất. Tìm kiếm nguồn tăng thêm thu nhập dường như là mục đích quan trọng trước mắt của các gia đình. Trẻ em nông thôn vô hình chung cũng bị ảnh hưởng và bị lôi kéo vào dòng chảy của lực lượng lao động này. Động cơ "làm ăn kinh tế - tăng thêm thu nhập" của gia đình đã tác động không nhỏ đến quyền được chăm sóc và giáo dục về sức khoẻ và học tập của các em trong gia đình. Quan niệm của người lớn về giá trị học vấn và giá trị lao động của trẻ có nhiều thay đổi.

Thực tế cho thấy tình trạng trẻ bỏ học sớm ở nông thôn ngày càng gia tăng. Do đó vấn đề đặt ra là trong tương lai, với chiến lược phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi phải có một đội ngũ lao động nông thôn có đủ trình độ chuyên môn và tay nghề cao, liệu thế hệ trẻ nông thôn ngày hôm nay có đáp ứng được nhu cầu phát triển lâu bền

của đất nước không? Việc định hướng nghề nghiệp cho thế hệ trẻ này như thế nào? Những vấn đề trên có thể được làm rõ hơn qua việc tìm hiểu sự biến đổi cơ cấu kinh tế ở một vùng nông thôn.

Địa bàn khảo sát là một xã ven đô (xã PL) thuộc huyện Thanh oai tỉnh Hà Tây. Xã nằm dọc trên trục đường quốc lộ 52, tiếp giáp với thị xã Hà Đông và cách Hà Nội khoảng 15 km. Vị trí của xã rất thuận lợi cho giao thông, buôn bán, phát triển các ngành nghề phục vụ cho sự phát triển của các đô thị. Xã có khoảng 14300 nhân khẩu trong đó số trẻ em dưới 15 tuổi là 4000 (36%), với trên 2600 hộ gia đình sinh sống trên diện tích là 710 ha trong đó chỉ có 471 ha đất nông nghiệp. Mật độ dân số của xã hiện nay khá cao, 1800 người/km² (khoảng 2 người/m²). Đất chật người đông khiến cho diện tích bình quân/ đầu người càng ngày càng bị co hẹp lại. Đây cũng là một lý do khiến cho người dân của xã phải tìm cơ hội kiếm việc làm khác ngoài nông nghiệp.

Hoạt động kinh tế của xã trước đây chủ yếu dựa vào nông nghiệp với một năm 2 vụ. Xã có 5 thôn, mỗi thôn có một nghề truyền thống riêng như nghề chạm trổ, làm vàng mã, làm bột, làm nón, làm quạt giấy, chổi dốt,... Trong thời kỳ bao cấp, một số nghề như chạm trổ, làm vàng mã... không được phát huy. Một số nghề khác như, làm nón, quạt giấy, làm bột,... tuy vẫn tồn tại song quy mô sản xuất nhỏ hẹp - trong phạm vi gia đình. Sản xuất nông nghiệp vẫn chiếm ưu thế.

Với chính sách mở cửa, tự do hoá các hoạt động kinh tế, một số nghề thủ công truyền thống như chạm trổ, làm vàng mã, làm chổi dốt, làm bột được khôi phục và phát triển. Bên cạnh đó, một số nghề truyền thống khác như nghề làm nón, làm quạt giấy lại đang mất dần chỗ đứng trong thị trường. Tính đa dạng cũng như tính chất “tĩnh” - sản xuất tại nhà, của các nghề truyền thống đã thu hút lao động của mọi thành viên trong gia đình, ở mọi lứa tuổi kể cả người già và trẻ em.

Qua thời kỳ bao cấp, người dân trong xã ý thức rất rõ *"bây giờ chỉ làm ruộng thì chết đói...ở đây phụ thuộc nông nghiệp thì một năm thiếu 4-5 tháng gạo... phải đi kiếm ngoài để lấy tiền đóng gạo, làm thêm nghề phụ đó..."* (Nữ, giáo viên). Hầu hết các gia đình trong xã làm một vài nghề phụ. Cơ cấu phân công lao động trong hộ gia đình phù hợp với lứa tuổi, giới tính và cơ cấu ngành nghề phụ. Lực lượng lao động nhàn rỗi của xã trong những năm gần đây đã tiếp ứng nhanh chóng với nhu cầu của thị trường - một số nghề phụ khác đã xuất hiện và phát triển: nghề xây dựng (nghề nề, mộc), nghề bán buôn, bán hàng rong các mặt hàng như chổi dốt, hàng nhựa, hàng sáo (gạo), hàng mía, chợ cá tôm, hoa quả...Các nghề này cung cấp hàng hoá và dịch vụ đến tận tay người tiêu dùng ở các đô thị và một số tỉnh xung quanh.

Cơ cấu ngành nghề và lao động được trình bày tóm tắt trong bảng 1. Ở đây, cơ cấu nghề phi nông nghiệp được chia làm hai loại: nghề truyền thống và nghề mới xuất hiện cùng với cơ chế thị trường. Công việc được miêu tả mang tính di động cao (động) hay không mang tính di động (tĩnh) phụ thuộc vào hoạt động của công việc đó diễn ra ở ngoài xã, liên xã hay ngay tại nhà. Phân loại nhóm người tham gia các nghề phụ gồm trẻ em (tuổi dưới 16- theo Luật Chăm sóc và bảo vệ trẻ em Việt Nam); thanh thiếu niên¹: (tuổi từ 14 - 30), trung niên (tuổi 31- 50) và người già (trên 50 tuổi). Mỗi loại nghề có một thời gian biểu: do tính chất công việc của nghề truyền thống nên người lao động có thể làm tại nhà vào bất cứ lúc nào trong ngày; nhưng với những nghề mới, người lao động thường phải dành thời gian cả ngày để đi làm xa nhà.

Bảng 1 cho thấy phần lớn lực lượng lao động chính có sức khoẻ trong xã đều tham gia những công việc có tính di động cao, chiếm nhiều thời gian. Đây là những nghề mới xuất hiện. Nghề xây dựng và nghề mộc đã thu hút số đông lao động nam giới ở độ tuổi thanh thiếu niên và trung niên (xã có 1250 thợ nề và 300 thợ mộc). Những người thợ xây dựng phải đi từ sáng sớm đến tối khuya mới về. Thậm chí nhiều người phải xa nhà có khi tới hàng tuần lễ. Trẻ em trai trong xã 15-16 tuổi cũng đã bắt đầu theo

¹ Tác giả tự xác định độ tuổi phù hợp với nhóm tham gia nghề phụ.

cha anh đi phụ nề, phụ việc trong các công trình xây dựng ở các đô thị. Ban ngày trong xã hầu như vắng bóng thanh niên: “ra đường chỉ toàn bà già với trẻ con” (Nam, thợ xây dựng).

Bảng 1: Cơ cấu ngành nghề phi nông nghiệp và tính chất công việc

Nghề truyền thống :						
TT	Nghề	Tính chất công việc		Người lao động		Thời gian
		Động/ tỉnh	Ngoài xã/ tại nhà	Nhóm người	Giới	
1.	Chạm trổ	Bán tỉnh	Tại xưởng hoặc nhận việc về nhà làm	Người già có tay nghề , thanh niên học việc	Nam	Cả ngày (thời gian không cố định)
2.	Làm vàng, mã	Tỉnh	Tại nhà	Trung niên, người già và trẻ em	Nữ/ Nam	Cả ngày (thời gian không cố định)
3.	Làm bột	Tỉnh	Tại nhà	Trung niên, người già và trẻ em	Nữ/ Nam	Cả ngày (thời gian không cố định)
4.	Làm nón	Tỉnh	Tại nhà	Trung niên, người già và trẻ em	Nữ/ Nam	Cả ngày (thời gian không cố định)
5.	Làm chổi đót	Tỉnh	Tại nhà	Trung niên, người già và trẻ em	Nữ/ Nam	Cả ngày (thời gian không cố định)
Nghề mới xuất hiện:						
1.	Nghề nề	Động	Theo công trình xây dựng (đô thị)	Thanh thiếu niên , trung niên	Nam	Sáng sớm đi (5h.00-6h.00) - Tối khuya về (7h.00-9h.00) / hoặc đi cả tuần
2.	Nghề mộc	Bán động	Theo công trình xây dựng	Thanh thiếu niên , trung niên	Nam	Sáng sớm đi (5h.00-6h.00) - Tối khuya về (7h.00-9h.00) / hoặc đi cả tuần
3.	Chợ hàng nhựa	Động	Đi bán rong (đô thị/ liên tỉnh)	Thanh thiếu niên , trung niên	Nữ	Sáng sớm đi (5h.00-6h.00) - Tối khuya về (7h.00-9h.00) / hoặc đi cả tuần
4.	Chợ hàng sáo	Động	Đi bán buôn / lẻ (đô thị)	Thanh thiếu niên , trung niên	Nữ	Sáng sớm đi (5h.00-6h.00) - Trưa (12h.00 - 13h.00)/ hoặc tối khuya về (7h.00- 9h.00)
5.	Chợ rau, cá	Động	Đi bán buôn / lẻ (đô thị, chợ lớn)	Thanh thiếu niên , trung niên	Nữ	Sáng sớm đi (5h.00-6h.00) - Trưa (12h.00 - 13h.00)/ hoặc tối khuya về (7h.00- 9h.00)

Khoảng 20% dân số của xã - chủ yếu là phụ nữ - làm nghề buôn bán hàng rong, chạy chợ. Tính chất di động và đặc thù của công việc này cũng đòi hỏi họ phải đi hầu như suốt ngày, “*Mười người thì phải tám người đi từ sáng đến tối*” (Nữ, hàng sáo), số còn lại đi nửa buổi. Những nghề phụ làm tại xã như trạm trổ, làm vàng mã, làm bột, làm chổi đót, làm nón... do lực lượng có sức lao động yếu như người già và trẻ em trong xã đảm nhiệm. Những nghề này mang lại thu nhập thấp hơn nhiều so với các nghề khác như xây dựng, chạy chợ...nhưng lại sử dụng được hầu hết số lao động nhàn rỗi kể cả người già và trẻ em trong xã.

Mặc dù bị gọi là nghề phụ nhưng các hoạt động kinh tế này đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho các hộ gia đình “*ở đây làm vàng giả (vàng mã) mua vàng thật*”. Theo số liệu thống kê 1997 của xã thì bình quân thu nhập từ sản xuất nông nghiệp là 315 kg thóc/dầu người/năm (khoảng 500.000 đồng/năm). Nếu tính cả nghề phụ nói trên thì bình quân thu nhập đầu người lên đến 2,3 triệu đồng/dầu người/năm. Như vậy, về mặt thu nhập, xã thuộc vào loại có mức sống trên trung bình. Tuy nhiên, chênh lệch về mức thu nhập giữa hộ giàu và hộ nghèo khá lớn. Hiện nay, xã đã

có khoảng 7 gia đình là tỷ phú nhờ nghề cai thầu xây dựng trong khi đó vẫn còn 2,7% hộ nghèo (thu nhập khoảng 20.000 đồng/tháng). Những hộ nghèo này rơi vào những gia đình có lao động chính bị ốm yếu, người già cô đơn, người tàn tật, nhưng thu nhập chủ yếu dựa vào làm nông nghiệp, nghề phụ truyền thống có thu nhập thấp.

Một “nghịch lý” liên quan tới khái niệm “nghề chính” - hoạt động kinh tế chủ yếu (ở nông thôn thường là nông nghiệp) và “nghề phụ” (là phi nông nghiệp). “Nghề chính” thường được coi là nghề thu hút đông đảo nguồn lực, thời gian lao động và mang lại thu nhập chính cho hộ gia đình nhưng đối với nhiều gia đình ở xã, những “nghề phụ” - phi nông nghiệp lại là các hoạt động kinh tế “chính”. Ngay cả sản xuất nông nghiệp cũng không đủ sức tạo công ăn việc làm cho toàn bộ lực lượng lao động chính của xã. Không ít gia đình làm nghề phụ phải thuê lao động, từ các hộ gia đình nghèo hoặc từ các xã lân cận, làm một số công việc nhà nông như cày bừa, cấy, hái... thay cho lao động chính của gia đình. Sản xuất nông nghiệp, vô hình chung đã trở thành hoạt động kinh tế “phụ” và các nghề “phụ” trở thành hoạt động kinh tế “chính” của đa số hộ gia đình.

Sự tham gia của trẻ em trong các hoạt động kinh tế và công việc gia đình

Trong gia đình nông thôn Việt Nam, trẻ em tham gia lao động khi còn rất nhỏ tuổi. Trẻ em 5-6 tuổi đã bắt đầu giúp đỡ cha mẹ bằng những công việc đơn giản như trông nhà, trông em, quét nhà, rửa chén đĩa... Lớn lên tùy theo sức khỏe, trẻ em tham gia vào các hoạt động lao động khác nhau của gia đình. Lao động trở thành điều “tự nhiên” đối với bản thân các em, cha mẹ và những người khác. Lao động từ lâu đã trở thành một phạm trù, chuẩn mực đạo đức để đánh giá hành vi, nhân cách của trẻ.

Trong thời kỳ bao cấp, khi còn chế độ hợp tác xã nông nghiệp, do cơ chế sản xuất tập thể, đóng góp của trẻ em vào hoạt động sản xuất nông nghiệp không được coi là chính thức, sự tham gia lao động của trẻ em thể hiện chủ yếu dưới 3 hình thức là : tham gia hoạt động phụ của hợp tác xã như chăn trâu bò, cắt cỏ với mức tính công điểm khá thấp; tham gia lao động trên đất 5% của gia đình và tham gia hoạt động lao động do đội, đoàn trường tổ chức (Nguyễn Văn Chính, 1997).

Cùng với sự biến đổi kinh tế - xã hội và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, vai trò kinh tế của trẻ em trong gia đình cũng biến đổi theo. Khi chuyển sang cơ chế khoán sản phẩm, hộ gia đình trở thành một đơn vị kinh tế độc lập, do đó số lượng trẻ em tham gia vào hoạt động kinh tế hộ gia đình tăng một cách đáng kể. Lao động này được đánh giá cao và trở nên “hữu hình” hơn trong cơ cấu phân công lao động của gia đình khi nó góp phần trực tiếp làm tăng thu nhập hộ gia đình. Vai trò lao động và trách nhiệm của trẻ trong gia đình do vậy trở nên nặng nề hơn. Ngoài những công việc được ngầm phân công theo lứa tuổi một cách “tự nhiên”, sự đóng góp của trẻ cho các hoạt động kinh tế hộ gia đình còn thể hiện ở những hoạt động sau :

- Trẻ em tham gia nghề truyền thống của gia đình như làm vàng mã, làm bột, làm nón, chổi dót... Không ít trẻ em đủ mọi lứa tuổi đã tích cực tham gia làm những nghề này.
- Nhiều em gái ở độ tuổi 14-15 đã bỏ học để theo mẹ, theo chị đi chạy chợ, bán hàng rong. Những nghề phụ này đã mang lại thu nhập gần ngang với thu nhập của người lớn (khoảng 15.000 - 20.000 đồng/ngày). Các em trai ở lứa tuổi 16 - 17 bắt đầu theo cha, anh đi học nghề, phụ việc thợ xây hoặc thợ mộc. Mức thu nhập cũng khoảng 10.000 - 20.000 đồng/ngày.
- Khi cha mẹ vắng nhà, mọi công việc trong gia đình từ chăm sóc em nhỏ, nội trợ đến trông trọt, chăn nuôi đều do con cái hoặc ông bà (nếu có) ở nhà đảm nhiệm. Trẻ em nghiêm nhiên phải đảm nhận vai trò "kép": vừa phải làm những phần việc của người lớn vừa phải đóng vai trò là "người lớn", quán xuyến mọi việc khi bố mẹ vắng nhà.

Thông tin thu được qua phương pháp trẻ em tham gia có thể được trình bày trong bảng liệt kê công việc hàng ngày của trẻ em trai và em gái (bảng 2). Bảng 2 cho thấy, các em ở độ tuổi này đã đỡ dần cho cha mẹ trong hầu hết các công việc gia đình. Tuy nhiên ta không thấy có sự khác biệt đáng kể

về vai trò giới trong công việc được phân công cho trẻ trai và trẻ gái dưới 12-13 tuổi như đã thấy ở một số điều tra về lao động trẻ em khác (Joachim, 1997). Điều này có thể do qui mô gia đình nhỏ - những gia đình trẻ có trung bình 2-3 con, cộng với việc người lớn bận rộn cả ngày buộc trẻ em phải làm mọi việc trong gia đình. Trách nhiệm và công việc của các em chủ yếu được phân theo lứa tuổi: đứa lớn làm việc lớn, đứa nhỏ làm việc nhỏ, không cứ là em trai hay em gái.

Bảng 2: Những công việc hàng ngày của trẻ em (nhóm tuổi 10 - 15)

TT	Nhóm công việc	Nữ	Nam
1.	<i>Tham gia nghề phi nông nghiệp</i>		
	- Làm vàng mã, bán hàng, đan ngựa, bó chổi dốt, xay bột...	X	X
	- Phụ xây (đẩy cát, xách vôi)		X
	- Đi chợ	X	
2.	<i>Việc đồng áng + làm vườn</i>		
	- Làm vườn (trồng rau, tỉa cây, bắt sâu, tưới cây..)	X	X
	- Gặt, cấy, nhổ mạ, cắt cỏ, cuốc ruộng, tát nước, nhổ rạ..	X	X
	- Dọn thóc, phơi rơm, tuốt lúa	X	X
3.	<i>Việc nhà</i>		
	- Trồng nhà	X	X
	- Nấu nướng (nấu cơm, đun nước, rửa bát, nhặt rau, nấu cám..)	X	X
	- Dọn dẹp: lau bàn ghế, quét nhà, quét sân ngõ, giặt quần áo..	X	X
	- Chăn nuôi: cho gà, lợn, vịt ăn, quấy cám, dọn chuồng lợn, thái rau cho lợn, hái rau, lấy bèo, chăn trâu, bò..	X	X
	- Kiểm thức ăn: tát cá, bắt cua, ốc		X
4	<i>Chăm sóc em</i>		
	- Trông em, bế em	X	X
	- Quấy bột, cho em ăn, tắm cho em	X	X
	- Ru em, giúp em học bài	X	

Tuy nhiên, ở độ tuổi lớn hơn, bản thân trẻ và cha mẹ của các em đã bắt đầu ý thức về những công việc thể hiện giới tính cũng như định hướng nghề nghiệp. Ngoài những công việc “tự nhiên” đặc trưng cho trẻ em nông thôn như mò cua, bắt cá..., trẻ em trai đã bắt đầu tham gia những công việc lao động nặng nhọc như đẩy xe, kéo bừa, làm phụ vôi vữa cho xây dựng. Có thể thấy ở đây sự chuẩn bị cho vai trò nam giới với tư cách là lao động chính, là trụ cột của gia đình: “...con trai đến tuổi lấy vợ cần một cái nghề gì đó..”(Nữ, đi chợ). Các em gái bắt đầu đi chợ và đã có ý thức chuẩn bị dần cho mình một vốn riêng cho tương lai hoặc để dành mua sắm cá nhân: “... con gái đến tuổi lấy chồng cần có cái vốn riêng...” (Nữ, đi chợ).

Một nghiên cứu về số giờ lao động trẻ em ở gia đình nông thôn đồng bằng Bắc Bộ cho thấy ở lứa tuổi từ 11-12, trung bình một ngày các em trai làm khoảng 2,4 giờ và các em gái là 3,5 giờ; ở lứa tuổi 13-14, em trai: 2,7 giờ và em gái: 5,9 giờ; và ở tuổi 15-16, các em lao động tới 6 - 7 giờ/ngày, nghĩa là bằng hoặc hơn số giờ lao động trung bình trong ngày của người lớn (Nguyen Van Chinh, 1997). Có thể nói, trẻ em đã dành khá nhiều thời gian cho hoạt động kinh tế so với thời gian học tập ở trường hoặc ở nhà. Do tính chất đặc thù của lao động phi nông nghiệp, trẻ em của xã phải dành nhiều thời gian hơn cho các hoạt động kinh tế và công việc gia đình.

Thái độ đối với việc chăm sóc sức khỏe trẻ em trong gia đình

Vấn đề về sức khỏe được nhìn nhận là một yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển trẻ em, nhưng việc đầu tư cho chăm sóc sức khỏe của trẻ lại ít được người dân quan tâm thực sự. Các chi phí dành cho y tế và chăm sóc sức khỏe của hộ gia đình nông dân chỉ chiếm một tỷ lệ khá nhỏ. Phân tích cơ cấu chi tiêu của gia đình nông dân năm 1992 cho thấy: chi cho ăn uống là 61%,

may mặc 10,5%, nhà ở 16,8%, văn hoá giáo dục 3,8%, y tế 4,0% và các khoản chi khác 3,9% (Tổng cục Thống kê, 1992).

Nhìn chung mức sống của các gia đình trong xã được cải thiện nhiều, song, quyết định **chi tiêu của gia đình** lại phần nào bị ảnh hưởng bởi tâm lý "*phú quý sinh lễ nghĩa*". Có thể nhận thấy khá rõ sự tương phản giữa những tính toán chi tiêu cho các hoạt động của người lớn và cho trẻ em. Một "nghịch lý" thể hiện trong việc đầu tư chăm sóc trẻ em, là người dân có thể "*không có tiền*" đóng học phí, thiếu tiền mua đồ dùng học tập, thiếu tiền bồi dưỡng cho trẻ em, nhưng họ lại "*không thể*" cắt giảm, ngược lại còn tăng dần các khoản chi cho hiếu hỷ, cúng giỗ, ma chay và tổ chức các lễ hội trong và ngoài gia đình: "...*người ta có thể ăn ít, tiết kiệm để dành tiền cho các việc trên sao cho bằng anh bằng em, cho được tiếng lo cho bố mẹ bằng người khác để bố mẹ không phải tủi hổ*" (nữ, bán quán, nói về việc tổ chức mừng thọ, lên lão).

Ngay cả **thời gian cha mẹ dành cho việc chăm sóc con cái** cũng không nhiều. Những ngày nông nhàn là những ngày hầu hết người lớn trong gia đình (cha, mẹ) đi ra khỏi làng từ sáng tới tối. Ước tính thời gian vắng nhà trung bình của nhóm lao động tham gia những nghề có tính di động cao chiếm khoảng 12 - 13 tiếng trong một ngày. Những ngày mùa, tuy cha mẹ ở nhà nhưng hầu hết các thành viên trong gia đình đều được huy động vào công việc gặt hái từ sáng tới tối, việc chăm sóc trẻ nhỏ thường lâm vào cảnh "*thôi thì đành để đứa lớn chăm đứa bé hoặc là người già ở nhà thì chăm sóc cháu*" (nữ, y tế)

Ngay cả việc ăn uống, **chế độ dinh dưỡng** cho trẻ cũng bị sao nhãng: "*trưa đến đứa lớn thổi cơm cho đứa bé ăn... hay có nồi cơm nguội đấy anh em bỏ ra mà ăn với nhau..*" (nam, thợ xây). Bữa ăn tối của gia đình, khi cả nhà đầy đủ mới được chuẩn bị chu đáo hơn. Thói quen tần tiện trong ăn uống của người nông dân, thậm chí ở cả những gia đình có thu nhập khá đã ảnh hưởng không nhỏ tới tình trạng sức khỏe của trẻ. Có thể đây cũng là một nguyên nhân góp phần làm tăng tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ em nông thôn, tỷ lệ trẻ em nông thôn suy dinh dưỡng lên tới trên 45% (Bộ Y tế, 1995). Theo số liệu thống kê, ở vùng nông thôn, nhiều trẻ em bị còi cọc hơn ở thành thị, điều này có lẽ là hậu quả của tập quán chăm sóc trẻ em không tốt, sự hạn chế của các dịch vụ sức khỏe và điều kiện vệ sinh môi trường kém.

Một điều quan sát thấy ở các gia đình trong xã là , chỉ có trẻ em nhỏ mới được quan tâm săn sóc chu đáo hơn. Nhờ hoạt động của các tổ chức xã hội của xã mà việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe như khám thai và tiêm chủng mở rộng cho trẻ dưới 5 tuổi được thực hiện rất tốt. Ý thức rất rõ hậu quả khó lường của việc không tiêm phòng đầy đủ, cho nên dù bận đến mấy các chị em cũng nghĩ việc mang trẻ nhỏ đi tiêm.

Nhìn chung, việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ vẫn thiên về hành vi chữa trị bệnh hơn các hoạt động dự phòng. Trẻ em ở các độ tuổi lớn chỉ được chú ý săn sóc và được **chữa chạy** tích cực khi chúng có những biểu hiện đau ốm nặng. Chữa bệnh dân gian vẫn là phổ biến. Đối với những bệnh thông thường của trẻ nhỏ như cảm sốt, sổ mũi, ho viêm họng..., gia đình thường tự chữa chạy lấy bằng thuốc nam hoặc mời y tá tư nhân đến khám và kê đơn. Trừ những trường hợp cấp bách như ốm nặng hoặc sốt cao kéo dài gia đình mới đưa đến cơ sở y tế khám.

Một thực tế cản trở cho việc khám chữa bệnh của người dân nói chung và trẻ em nói riêng là: trạm y tế xã chỉ làm việc trong giờ hành chính, mà trong những giờ này cha mẹ của trẻ lại đi làm xa. Họ thường tranh thủ vào giờ nghỉ trưa hoặc tối đưa con đi khám bệnh và kê đơn thuốc: "*làng em họ hay tham công tiếc việc. Nhiều khi họ thích đi khám tư hơn vì họ thích đi buổi trưa, buổi tối. Ban ngày người ta còn đi làm, đến trạm xá thì nhờ việc của người ta..*" (nữ, y tế cộng đồng). Nhiều trường hợp trẻ bị ốm cũng không được phát hiện kịp thời, phần vì không có người lớn thường xuyên để mắt đến chúng, phần vì trẻ thường hay mải chơi dễ quên cảm giác mệt mỏi. Khi cha mẹ đi làm về mới biết con ốm. Nhiều khi do "*tham công tiếc việc*" họ cũng không mang con đi khám ngay.

Kết quả khảo sát các gia đình có trẻ em khuyết tật trong xã cho thấy, có khá nhiều trẻ em mang tật do hậu quả của biến chứng co giật khi sốt quá cao, mà nguyên nhân sâu xa là do cha mẹ chúng đã không chạy chữa kịp thời. Qua lời kể của cha mẹ những trẻ em này, họ đã hoặc vì mải mê công việc, hoặc vì không có mặt ở nhà đúng lúc trẻ sốt cao nên đã để xảy ra những biến chứng đáng tiếc khiến con họ mang tật suốt đời.

Có thể nói việc chăm sóc trẻ em trong xã hiện nay vẫn theo hướng “*để chúng phát triển theo lối tự nhiên*”. Việc chăm sóc trẻ mới chỉ dừng ở mức nuôi dưỡng và chạy chữa khi ốm đau chứ chưa chú ý đến nhu cầu phát triển thể lực, trí lực và tâm sinh lý của trẻ ở từng độ tuổi. Sự chăm sóc của người lớn, nhất là người mẹ là yếu tố quyết định tình trạng sức khỏe và phát triển của đứa trẻ. Sự chăm sóc này lại bị tác động bởi nhân tố tập quán chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em của từng địa phương. (UNICEF, 1994).

Thái độ đối với việc học tập của trẻ em trong gia đình

Hiện nay, giá trị học vấn của trẻ không còn được coi là chuẩn mực, là mục tiêu phấn đấu duy nhất của nhiều gia đình nông dân như trước nữa. Trước kia, giá trị học vấn được đề cao phần vì truyền thống hiếu học của dân tộc, phần vì nghề nông bị coi là một nghề vất vả so với nhiều ngành nghề khác và để có thể thoát ly khỏi nông nghiệp, người nông dân có rất ít khả năng lựa chọn. Học lên cao - ít ra là tốt nghiệp cấp II là con đường duy nhất hy vọng có thể thoát ra khỏi lũy tre làng, có một nghề ổn định để “*mở mắt mở mày với thiên hạ*”. Nhưng tình hình đã ít nhiều thay đổi do một số những yếu tố tác động cơ bản sau đây.

Vị trí địa lý thuận lợi đã tạo cho người dân trong xã **cơ hội kiếm tiền** dễ dàng bằng các nghề phi nông nghiệp. Cơ hội này như một ma lực “lôi kéo” trẻ em bỏ học và “xui khiến” các bậc cha mẹ “ngâm” ủng hộ việc bỏ học của con vì lợi ích kinh tế trước mắt do con cái mang lại: “*thì bố mẹ phải đồng tình con nó mới dám nghỉ học chứ...*” (Nam, xây dựng). Điều này tạo nên một “nghịch lý” trong xã hội, đặc biệt trong thời buổi kinh tế thị trường. Trẻ bỏ học không chỉ rơi vào những gia đình nghèo không đủ khả năng trang trải chi phí cho việc học của trẻ và trẻ em phải lao động sớm để kiếm sống mà rơi vào cả những gia đình ở xã có nhiều nghề phụ với thu nhập cao và cơ hội kiếm tiền dễ dàng.

“*...thời thì không kịp phổ cập giáo dục đi chẳng nữa cũng phải cho nó đi chạy chợ, vì của nông thủ đồ ngay đây mà. Đi ra đến kia một cái là kiếm được vài đồng ngay, kiếm được hẳn cân thóc, cân gạo, nếu mà kiếm tốt thì được một yến đấy. Thế thì ngày kiếm được yến thóc thì đến lúc rồi nông nghiệp cũng bỏ chứ còn cứ gì đến học... cứ đến độ lớp 6 lớp 7 đấy, lớp 8 là bỏ đi chợ hết.*” (Nam, hưu trí).

Đứng trước một thực tế là người nông dân đã phải trải qua một thời kỳ nghèo khổ kéo dài, đến nay họ ý thức rất rõ giá trị vật chất - cụ thể là giá trị của đồng tiền đang ngày càng tỏ rõ sức mạnh chi phối của nó trong mọi hoạt động của cuộc sống. Những yếu tố này góp phần làm thay đổi nhận thức và thái độ của cha mẹ về **giá trị học tập** của con em họ. Khá nhiều bậc cha mẹ quan niệm “*văn hay chữ tốt không bằng anh dốt có tiền....học làm gì, đại học bây giờ cứ như của...*” (Nữ, hàng rong). Quan niệm này đã ảnh hưởng không ít tới thái độ học tập của trẻ em.

Tuy nhiên, một nghiên cứu khác về Hà Nội cho thấy người dân Hà Nội lại đang quay trở lại với việc đề cao giá trị học vấn thay vì đề cao quan niệm “*học cao không bằng đi buôn*” (Phạm Bích San & Nguyễn Đức Vinh, 1998). Sự thay đổi nhận thức này xuất phát từ nhu cầu đòi hỏi thực tế của một xã hội phát triển là cần phải có một đội ngũ lao động có kiến thức, trình độ và tay nghề cao. Và người dân ý thức rằng khả năng kiến tạo công ăn việc làm của con em họ phụ thuộc phần nhiều vào việc đầu tư cho chăm sóc và giáo dục học hành cho con cái. Còn ở khu vực nông thôn ven đô, tuy vẫn coi trọng học vấn, nhưng quan niệm “*phi thương bất phú*” dường như vẫn là tâm lý chủ yếu của người dân nông thôn hiện nay.

Mặt khác, **cơ hội có việc làm** của những học sinh nông thôn tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc đại học khá bấp bênh nếu không muốn nói là tuyệt vọng. Hơn nữa lại chưa có một định hướng nghề nghiệp rõ ràng cho thanh niên nông thôn. Điều này đã làm cho không ít các bậc cha mẹ buộc phải có những tính toán “thực tế” hơn. Song, dường như tồn tại một “nghịch lý” thể hiện ở thái độ đầu tư của cha mẹ cho việc học tập của con cái. Đối với nhiều gia đình khá giả trong xã, trường học đã không thực sự trở thành nơi thu hút sự đầu tư của cha mẹ “.. *những người giàu người ta hay tính toán việc, người ta không cần cho con đi học nữa.... nhà giàu thường người ta bảo bây giờ chỉ cần tiền nhiều thôi, tao không cần cho mày đi học nữa, tao cho mày đi học biết chữ rồi cho mấy triệu mày đi chợ, đi làm thôi...*” (Nữ, hàng sáo). Những gia đình này thay vì đầu tư khuyến khích con cái học lên cao, họ có những tính toán thực dụng hơn, ngầm “ủng hộ” con cái bỏ học đi làm kiếm tiền.

Trong khi đó, không ít gia đình nghèo trong xã lại cố gắng chắt bóp để cho con cái ăn học với hy vọng con cái họ sẽ kiếm được công ăn việc làm ổn định, có thể thoát khỏi tình trạng nghèo nàn mà cha mẹ chúng đã phải chịu “*Những người nghèo người ta cũng nghĩ cho con người ta đi học để cho con người ta sung sướng.... Nhà nghèo thì mình nghĩ bảo là bố mẹ đã khổ rồi, tao cũng nhịn ăn, nhịn mặc để cho mày đi học...*” (Nữ, hàng sáo). Tâm lý và nguyện vọng chung của cha mẹ là muốn cho con em họ có được một nghề ổn định, thoát khỏi cảnh nghèo bằng con đường làm ăn kinh tế hay bằng con đường học hành. Vì từ lâu ở xã này, nông nghiệp không được coi là một nghề mang lại mức sống trung bình cho người dân.

Bên cạnh những yếu tố bên ngoài như cơ hội kiếm tiền dễ dàng trước mắt, cơ hội có việc làm bấp bênh sau khi tốt nghiệp tác động đến tình trạng bỏ học của trẻ em trong xã, thì một yếu tố không thể bỏ qua được là **chi phí cho học tập** của trẻ lại quá lớn đối với một gia đình trung nông chứ chưa nói đến gia đình nghèo “*...Một nhà có hai cháu ăn học thôi, học cấp II thì bố mẹ cứ làm lãn lừng ra vẫn chưa đủ đâu...*” (nam, xây dựng).

Mặt khác, do phải vật lộn với công việc kiếm tiền hàng ngày, hầu như các bậc cha mẹ không có thời gian và sức lực để **quan tâm tới việc học hành** của con cái “*Cha mẹ không có thời gian để kèm cặp con nữa . Đi thì đi sớm, về thì về tối. Con học được thì học không học được thì thôi.*” (nữ , đi chợ). Và lại nếu có thời gian chẳng nữa thì nhiều cha mẹ cũng đã phải thừa nhận rằng với chương trình cải cách giáo dục hiện nay, họ không đủ trình độ để bảo ban, giúp đỡ con cái học hành “*... trình độ văn hoá của bố mẹ không giúp gì được cho các cháu...nói đến bài toán thì chắc chắn hơn 80% cái làng này không bảo được trình độ cấp II...*” (nam, thợ xây) . Do vậy nhiều cha mẹ có tâm lý phó thác chuyện học hành của con cái cho nhà trường “*trăm sự nhờ vào các thầy các cô*”. Mối liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh cũng hết sức lỏng lẻo do bố mẹ đi vắng cả ngày cũng chẳng biết con mình học hành ra sao.

Một trạng thái tâm lý mâu thuẫn chung của nhiều bậc phụ huynh là: “*có con ai chả mong con học hành giỏi*”, nhưng lại thừa nhận “*nhiều người không nghĩ đến học hành của con cái đâu ...dân mình ở đây thì cơ bản nhất vẫn là kinh tế nó kéo theo nhiều thứ.*” (cụ ông, nông dân). Việc cha mẹ không có thời gian chăm sóc con cái, không đủ trình độ để bảo ban con em học tập, cộng với thời gian các em phải làm việc giúp đỡ gia đình chiếm hầu hết thời gian học tập của các em đã phần nào giải thích cho tình trạng học lực yếu của trẻ em nông thôn, dẫn đến tình trạng trẻ chán học và bỏ học ngày càng nhiều. Một thanh niên trẻ đã nhìn nhận sự học yếu kém của trẻ em nông thôn là do lỗi của cha mẹ chúng: “*... hàng ngày bố không có nhà, mẹ có nhà thì mang phân ra đồng phải nhờ đến con, như thế đã làm mất thời gian học của con rồi, kể cả ngày thì hay không thì không cần biết, cha mẹ không cần biết. Mong muốn của bố mẹ là mong cho con học nhưng có biết đâu từ lúc bé mình đã lơ là việc học hành của con. Cho nên nó học đến lớp 5 rồi không theo được nữa...*” (Nam, thợ nề).

Tất cả những điều này ảnh hưởng không ít tới tình trạng và thái độ học tập của trẻ. Thống kê của xã PL cho thấy trẻ em ở xã thôi học chủ yếu ở cấp phổ thông cơ sở (cấp II), hàng năm có khoảng

10% trẻ em bỏ học khi chuyển cấp từ tiểu học (cấp I) lên phổ thông cơ sở (lớp 5 lên 6). Khi chuyển từ phổ thông cơ sở (cấp II) sang phổ thông trung học (cấp III), tỷ lệ này chỉ còn lại khoảng 35-40% trên tổng số học sinh cấp II, mặc dù trường trung học phổ thông ở vị trí rất thuận lợi, ngay tại đầu xã. Trong số trẻ em bỏ học, trẻ em gái chiếm một tỷ lệ cao hơn. Điều này liên quan tới quan niệm cho rằng con gái trong gia đình, đặc biệt là con cả có nhiệm vụ quán xuyến gia đình và trông nom các em nhỏ: “*con gái không cần học lên cao*” (nữ, trưởng thôn).

Kết luận

Vấn đề quyền trẻ em được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục đang được toàn xã hội quan tâm. Việc giáo dục và thúc đẩy sự phát triển của trẻ em phụ thuộc rất lớn vào thái độ, hành vi của cha mẹ và những người trong gia đình. Trong khung cảnh hiện nay, sự đa dạng hóa các hoạt động kinh tế đã tác động toàn diện đến đời sống gia đình.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc con cái của các bậc cha mẹ cũng phần nào bị ảnh hưởng. Do quá tập trung vào công việc kiếm sống, nhiều bậc cha mẹ đã xao nhãng việc chăm sóc, giáo dục con cái. Tập quán chăm sóc trẻ theo lối để trẻ em phát triển tự nhiên vẫn đang tồn tại trong nhiều gia đình nông thôn hiện nay, *kể cả những gia đình có mức sống tương đối khá*.

Tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em là kết quả của không chỉ là sự thiếu đói lương thực mà còn từ nhiều nguyên nhân khác như thiếu kiến thức dinh dưỡng, tập quán ăn uống, cha mẹ không có thời gian nấu nướng cho con cái ăn uống đủ bữa, đủ chất. Đối với tình trạng và tập quán chăm sóc sức khỏe hiện nay, việc bổ sung thêm kiến thức đúng đắn về chăm sóc trẻ, và nâng cao ý thức chăm sóc trẻ em trong cộng đồng, nhất là cho đối tượng cha mẹ; giảm bớt gánh nặng lao động cho người phụ nữ, sẽ góp phần cải thiện sự chăm sóc trẻ em đang bị xao lãng hiện nay ở các gia đình nói chung, và đặc biệt là ở các gia đình nông thôn nói riêng.

Thực tế quan sát tại một xã ven đô cho thấy trẻ em ngày càng bị thu hút vào các hoạt động kinh tế đa dạng, phong phú ở nông thôn. Các bậc cha mẹ chưa thể hiện rõ định hướng nghề nghiệp cho con cái mà chỉ dừng ở hành vi khuyến khích con cái mới lớn tham gia những công việc, ngành nghề mà hiện cha mẹ chúng đang theo đuổi. Với sự chuẩn bị nghề nghiệp như vậy, những thế hệ thanh niên trẻ liệu có gặp khó khăn trong tương lai trong việc tìm kiếm công ăn việc làm nếu vấp phải sự cạnh tranh quyết liệt của thị trường, là thực tế mà hiện nay thế hệ cha mẹ họ đã bắt đầu nếm trải.

Hiện nay, ở nước ta đã thấy có vấn đề về thiếu hụt rất lớn tầng lớp thợ giỏi có tay nghề. Nếu như lực lượng lao động trẻ ở xã chỉ dừng lại ở tìm kiếm những công việc lao động giản đơn, đáp ứng cho nhu cầu trước mắt, trong tương lai việc tìm kiếm việc làm cho họ sẽ khó khăn. Nếu các bậc cha mẹ, và cả cộng đồng không chú trọng vào sự định hướng nghề nghiệp cho thanh niên nông thôn, trong tương lai cảnh “việc thiếu người thừa” như hiện nay sẽ không giải quyết được triệt để.

Công ước quốc tế về Quyền trẻ em và Luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam khẳng định quyền của trẻ em được tham gia, được chăm sóc và giáo dục về mọi mặt. Trong hoàn cảnh và điều kiện hiện nay ở nông thôn, tuy mức sống đang được cải thiện dần từng bước, trẻ em vẫn đang chịu rất nhiều thiệt thòi. Vấn đề đặt ra cho xã hội, cộng đồng và gia đình là sẽ phải làm gì và làm như thế nào để mang lại *những gì tốt nhất* cho sự phát triển của trẻ em trong hoàn cảnh hiện tại.

Tài liệu tham khảo:

- Joachim Theis & Hoàng Thị Huyền: *From House Work to Golden Mining: Child Labor in Rural Vietnam*. Save Children, UK. 1997.
- Tổng cục Thống kê: *Số liệu thống kê lao động và xã hội 1992*. Nhà xuất bản Thống kê-1992.
- Ngân hàng Thế giới: *Đánh giá chiến lược nghèo đói*. 1995
- Phạm Bích San & Nguyễn Đức Vinh: *Một số khía cạnh của sự biến đổi của xã hội Việt Nam: nghiên cứu trường hợp Hà Nội*. Tạp chí Xã hội học số 2/1998. Tr. 31-47.

- Nguyen Van Chinh: *Child Labour in rural Vietnam*. 1997
- Bộ Y tế: *Niên giám thống kê Y tế*. 1995.